

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA  
CÁC LOÀI LAN (ORCHIDACEAE Juss.) ĐẶC HỮU, QUÝ HIẾM VÀ CÓ GIÁ  
TRỊ KINH TẾ Ở CAO NGUYÊN LANGBIAN, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**NÔNG VĂN DUY, NGUYỄN THỊ THANH HẰNG, NGUYỄN THỊ LANG**

*Viện Sinh học Tây Nguyên*

Langbian là một trong những cao nguyên thuộc tỉnh Lâm Đồng với độ cao trung bình khoảng 1500 m. Phía Nam cao nguyên là thành phố Đà Lạt, phía Đông và Đông nam dốc xuống thung lũng sông Đa Nhim, Tây Nam hạ đột ngột xuống cao nguyên Di Linh. Diện tích Langbian khoảng 1080 km<sup>2</sup>. Địa hình đồi núi trập trùng với độ dốc dao động 8-10°. Tại đây có các đỉnh núi cao như Bi Đúp (2287 m), Langbian (2167 m), Hòn Giao (2010 m). Nước sông trên cao nguyên chảy chậm, những chỗ bị chặn lại tỏa rộng thành hồ như hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, hồ Đa Thiện, hồ Đan Kia (Suối Vàng). Cao nguyên có các thác lớn như thác Cam Ly, Prenn, Gù Gà, Ankrôet, thác Voi. Nhờ lượng mưa trung bình hằng năm lớn (2000–3000 mm/năm) mà diện tích chủ yếu trước đây được phủ bởi thảm rừng nhiệt đới và á nhiệt đới núi cao làm cho khu hệ thực vật của Langbian vô cùng phong phú. Đặc biệt kiểu rừng kín thường xanh lá rộng là môi trường thích hợp cho các họ thực vật sống phụ sinh phát triển. Một trong các họ thực vật lớn của khu hệ thực vật Langbian là họ Lan (Orchidaceae Juss.).

Theo các tài liệu thống kê gần đây nhất (L.V. Averyanov, 2003) thì họ Lan (Orchidaceae Juss.) ở Langbian có hơn 400 loài trên tổng số 897 loài lan của cả nước. Có thể nói, khó có vùng nào trong cả nước có thể sánh được với cao nguyên này về nguồn lợi lan rừng. Thế nhưng những năm gần đây, do công tác bảo tồn không được quan tâm và không có định hướng khai thác lâu dài nên nguồn lợi này đang ngày càng cạn kiệt. Một số loài lan rừng quý hiếm do chỉ khai thác tự nhiên mà không có kế hoạch gây trồng và bảo vệ hợp lý nên đang trong nguy cơ bị biến mất. Xuất phát từ những lý do trên, từ năm 2006 đến nay chúng tôi tiến hành điều tra nghiên cứu, thu thập và xác định các loài lan trong đó đặc biệt quan tâm đến các loài đặc hữu quý hiếm và có giá trị kinh tế. Bên cạnh đó chúng tôi cũng đặt ra mục tiêu bảo tồn nguồn gen các loài đặc hữu quý hiếm này phục vụ cho công tác nhân giống và lai tạo, phục vụ kinh tế dân sinh.

## **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Thu thập mẫu vật**

Tiến hành điều tra thu thập mẫu vật ngoài thiên nhiên, tập trung chủ yếu ở các khu vực thuộc các dãy núi từ Hòn Bà, Hòn Giao, Gia Rich, Bi Đúp, Langbian, Hòn Nga đến Chư Yang Sinh. Thu mua mẫu lan của bà con dân tộc thu được trên rừng bán ở chợ và của các gia đình trồng lan ở Đà Lạt và các huyện của Lâm Đồng. Lập phiếu điều tra để có thông tin chính xác về nơi phân bố và những điều kiện sinh thái của mẫu vật thu thập. Những mẫu chưa có hoa sẽ được trồng tại vườn sưu tập để theo dõi các đặc tính sinh học và chờ ra hoa để xác định tên khoa học được chính xác. Các mẫu thực vật được xử lý đúng tiêu chuẩn và lưu giữ tại Phòng Tiêu bản của Viện Sinh học Tây Nguyên (VTN).

### **2. Xác định tên khoa học của các mẫu vật thu thập được**

Sử dụng phương pháp so sánh hình thái để nghiên cứu phân loại các mẫu vật họ Lan (Orchidaceae Juss.) đã thu thập. Sử dụng các mẫu vật chuẩn có trong các phòng tiêu bản trong nước cũng như nguồn tài liệu trong nước và ngoài nước để định loại các mẫu vật thu thập. Việc xác định các loài lan có giá trị kinh tế làm cơ sở ban đầu, phục vụ cho công tác nhân giống và lai tạo dựa vào các tiêu chí có hoa to, có màu sắc sặc sỡ, lâu tàn và được đại đa số người trồng hoa ưa chuộng.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua các đợt điều tra, số lượng mẫu nghiên cứu thu thập được là của 220 loài. Các mẫu đã được xác định tên khoa học và xử lý mẫu để lưu giữ tại Phòng Tiêu bản (VTN).

**1. Các loài đặc hữu quý hiếm:** Dựa trên kết quả xác định các mẫu vật thu được, chúng tôi đã ghi nhận có 32 loài đặc hữu quý, hiếm của Việt Nam (theo Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập III, 2005 và Sách Đỏ Việt Nam - Phần Thực vật, 2007), các loài thuộc các chi Lan hài (*Paphiopedilum*) thuộc nhóm I và loài Hoàng thảo dẹt (*Dendrobium nobile* Lindl.) thuộc nhóm II, theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Bảng 1).

Bảng 1

**Danh sách các loài đặc hữu quý, hiếm ở Langbian**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
1.	<i>Acampe bidoupense</i> (Tixier) Aver.	A cam bì đúp
2.	<i>Arachnis annamensis</i> (Rolfe) J. J. Sm.	Bò cạp
3.	<i>Aerides rusbescens</i> Schlechter	Dáng hương hồng nhạt
4.	<i>Bulbophyllum frostii</i> Summer.	Cầu diệp giấy
5.	<i>Bulbophyllum sigaldiae</i> Guillaum.	Lan cầu diệp
6.	<i>Bulbophyllum spadiceflorum</i> Tixier	Cầu diệp hoa mo
7.	<i>Cleisostoma inflatum</i> (Rolfe) Garay	Nhục lan phù
8.	<i>Cleisostomopsis eberhardtii</i> (Finet) Seidenf.	Giả nhục lan
9.	<i>Coelogyne lawreaceana</i> Rolfe	Thanh đạm hoàng long
10.	<i>Coelogyne mooreana</i> Sander ex Rolfe	Thanh đạm tuyết ngọc
11.	<i>Coelogyne filipeda</i> Gagnep.	Thanh đạm dẹt
12.	<i>Cymbidium erythrostylum</i> Rolfe	Bạch lan
13.	<i>Dendrobium parcum</i> Reichb. f.	Hoàng thảo tiểu thạch
14.	<i>Dendrobium hemimelanoglossum</i> Guillaum.	Hoàng thảo phi nữ
15.	<i>Dendrobium ochraceum</i> De Wild.	Hoàng thảo cánh sét
16.	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Lan hoàng thảo dẹt
17.	<i>Epigeneium cacuminis</i> (Gagn.) Summer.	Môi dày nhiều hoa
18.	<i>Flickingeria vietnamensis</i> Seidenf.	Lan phích việt nam
19.	<i>Eria dacrydium</i> Gagn.	Ni lan hoàng đàn
20.	<i>Eria pulverulenta</i> Guillaum.	Ni lan bột
21.	<i>Monomeria dichroma</i> Schltr.	Lan củ đơn
22.	<i>Paphiopedilum appletonianum</i> (Gower) Rolfe	Lan vệ hải
23.	<i>Paphiopedilum callosum</i> (Reichb. f.) Stein	Lan hải vân
24.	<i>Paphiopedilum dalatense</i> Aver.	Lan hải đà lạt
25.	<i>Paphiopedilum delenatii</i> Guillaum.	Lan hải hồng
26.	<i>Paphiopedilum purpuratum</i> (Lindl.) Stein	Lan hải tía
27.	<i>Paphiopedilum villosum</i> (Lindl.) Stein.	Lan hải vàng
28.	<i>Papilionanthe pedunculata</i> (Kerr.) Garay	Long châu
29.	<i>Pteroceras semiteretifolium</i> Pedersen	Lan môi sừng một hoa
30.	<i>Renanthera imschootiana</i> Rolfe	Huyết nhung trơn
31.	<i>Stereochilus dalatensis</i> (Guillaum.) Garay	Trội thiệt đà lạt
32.	<i>Vanda bidupensis</i> Aver. et Christenson	Vân đa bì đúp

**2. Các loài có giá trị kinh tế:** Nhiều loài lan ở cao nguyên Langbian được cho là rất quý vì có hoa đẹp, màu sắc rất phong phú và nhiều loài có hương thơm. Hoa của nhiều loài có độ bền cao, lâu tàn, chùm hoa nở 1 -2 tháng mới hết hoa, nên được nhiều người ưa thích. Dựa vào các tiêu chí như hoa to, đẹp, lâu tàn, kết hợp với phiếu điều tra được người trồng lan ưa chuộng và tham khảo qua các tài liệu chúng tôi xác định được 76 loài lan rừng có triển vọng phục vụ công tác nhân giống và lai tạo (Bảng 2).

Bảng 2

**Danh sách các loài lan có giá trị kinh tế ở Langbian**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
1.	<i>Arachnis labrosa</i> (Lindl.) Reichb. f.	Lan nhện thái
2.	<i>Aerides odorata</i> Lour.	Quế lan hương
3.	<i>Aerides falcata</i> Lindl.	Giáng hương thơm
4.	<i>Arundina graminifolia</i> (D. Don) Hochr.	Lan sậy
5.	<i>Bulbophyllum putidum</i> (Teijsm. et Binn.) J. J. Sm.	Cầu diệp chuột
6.	<i>Bulbophyllum refractum</i> (Zoll et Moritzi) Reichb. f.	Cầu diệp cánh
7.	<i>Bulbophyllum odoratissimum</i> (J. E. Sm.) Lindl.	Cầu diệp thơm
8.	<i>Bulbophyllum retusiusculum</i> Reichb. f.	Cầu diệp tà
9.	<i>Bulbophyllum lepidum</i> (Blume) J. J. Sm.	Cầu diệp thanh
10.	<i>Bulbophyllum eberhardtii</i> (Gagn.) Seidenf.	Cầu diệp điểm
11.	<i>Calanthe angusta</i> Lindl.	Kiều lan kim tân
12.	<i>Calanthe duyana</i> Aver.	Kiều lan
13.	<i>Calanthe rubens</i> Ridl.	Kiều lan xuân
14.	<i>Calanthe triplicata</i> (Willem.) Ames	Kiều lan nếp ba
15.	<i>Coelogyne assamica</i> Lindl. et Reichb. f.	Thanh đạm trung
16.	<i>Coelogyne brachyptera</i> Reichb. f.	Thanh đạm xanh
17.	<i>Coelogyne calcicola</i> A.F.G. Kerr.	Thanh đạm môi lông
18.	<i>Coelogyne fimbriata</i> Lindl.	Thanh đạm rìa
19.	<i>Coelogyne rigida</i> Pax. et Reichb. f.	Thanh đạm nhám
20.	<i>Coelogyne sanderae</i> Kraenzl.	Thanh đạm cánh
21.	<i>Coelogyne trinervis</i> Lindl.	Thanh đạm ba gân
22.	<i>Coelogyne viscosa</i> Reichb. f.	Thanh đạm cỏ
23.	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.	Đoàn kiếm
24.	<i>Cymbidium cyperifolium</i> Wall. ex Lindl.	Đoàn kiếm lá cói
25.	<i>Cymbidium dayanum</i> Reichb. f.	Bích ngọc
26.	<i>Cymbidium devonianum</i> Paxt.	Gấm ngũ hồ
27.	<i>Cymbidium ensifolium</i> (L.) Sw.	Thanh lan
28.	<i>Cymbidium lancifolium</i> Hook. f.	Lục lan
29.	<i>Cymbidium lowianum</i> Reichb. f.	Hoàng lan lông mi
30.	<i>Dendrobium harveyanum</i> Hook.f.	Thủy tiên tua
31.	<i>Dendrobium farmeri</i> Paxt.	Thủy tiên trắng
32.	<i>Dendrobium thyrsoflorum</i> Reichb. f.	Thủy tiên mỡ gà

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
33.	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook. f.	Hoàng thảo long nhãn
34.	<i>Dendrobium secundum</i> (Blume) Lindl.	Hoàng thảo báo hi
35.	<i>Dendrobium aphyllum</i> (Roxb.) C.E.C. Fischer	Hoàng thảo hạc vĩ
36.	<i>Dendrobium bellatulum</i> Rolfe	Hoàng thảo hoả hoàng
37.	<i>Dendrobium cumulatum</i> Lindl.	Hoàng thảo phong phú
38.	<i>Dendrobium cariniferum</i> Reichb. f.	Hoàng thảo xương rồng
39.	<i>Dendrobium parviflorum</i> Reichb. f. ex Lindl.	Hoàng thảo hương lan
40.	<i>Dendrobium dantaniense</i> Guillaum.	Hoàng thảo đa tân
41.	<i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.	Kim điệp
42.	<i>Dendrobium virgineum</i> Reichb. f.	Hoàng thảo hồng tâm
43.	<i>Dendrobium crystallinum</i> Reichb. f.	Hoàng thảo ngọc thạch
44.	<i>Dendrobium crepidatum</i> Lindl et Paxt.	Hoàng thảo sáp
45.	<i>Dendrobium draconis</i> Reichb. f.	Nhất điểm hồng
46.	<i>Dendrobium cretaceum</i> Lindl.	Thạch hộc
47.	<i>Dendrobium ellipsophyllum</i> T. Tang et F. T. Wang	Hương duyên
48.	<i>Dendrobium hercoglossum</i> Reichb. f.	Hoàng thảo mũi câu
49.	<i>Dendrobium lindleyi</i> Steud.	Vẩy cá
50.	<i>Dendrobium heterocarpum</i> Lindl.	Nhất điểm hoàng
51.	<i>Dendrobium devoinium</i> Paxt.	Phương dung
52.	<i>Dendrobium tortile</i> Lindl.	Hoàng thảo xoắn
53.	<i>Dendrobium linguella</i> Reichb. f.	Hoàng thảo lưỡi thuyền
54.	<i>Dendrobium primulium</i> Lindl.	Hoàng thảo long tu
55.	<i>Dendrobium salaccense</i> (Blume) Lindl.	Hoàng thảo trúc
56.	<i>Dendrobium wattii</i> (Hook. f.) Reichb. f.	Hoàng thảo bạch nhận
57.	<i>Dendrobium anosmum</i> Lindl.	Hoàng thảo giả hạc
58.	<i>Dendrobium gratiosissium</i> Reichb. f.	Ý thảo
59.	<i>Dendrobium intricatum</i> Gagn.	Hoàng thảo hoa cong
60.	<i>Epigenium amplum</i> (Lindl.) Summer.	Lan môi dày rộng
61.	<i>Eria amica</i> Reichb. f.	Ni lan bản
62.	<i>Eria globifera</i> Rolfe	Ni lan cầu
63.	<i>Eria floribunda</i> Lindl.	Ni lan nhiều hoa
64.	<i>Holcoglossum subulifolium</i> (Reichb. f.) Christ.	Lan tóc tiên trung
65.	<i>Hygrochilus parishii</i> (Veitch. & Reichb. f.) Pfitz.	Cầm báo
66.	<i>Ludisia discolor</i> (Ker - Gawl.) A. Rich.	Lan gấm
67.	<i>Macropodanthus alatus</i> (Holt.) Seidenf. & Garay	Lan đại cước
68.	<i>Panisea tricallosa</i> Rolfe	Khúc thân chai
69.	<i>Phaius flavus</i> (Blume) Lindl.	Hạc đỉnh vàng
70.	<i>Phaius longicornu</i> Guillaum.	Hạc đỉnh sừng dài
71.	<i>Phaius tankervilleae</i> (Banks ex Herit ) Blume	Hạc đỉnh nâu
72.	<i>Phaius mishmensis</i> (Lindl. & Paxt.) Reichb. f.	Hạc đỉnh ấn
73.	<i>Phalaenopsis manni</i> Reichb. f.	Hồ điệp ấn
74.	<i>Staurochilus fasciatus</i> (Reichb. f.) Ridl. ex Pfitz.	Hồ bì
75.	<i>Vanda denisoniana</i> Benson et Reichb. f.	Vân đa dạ hương
76.	<i>Vanda pumila</i> Hook. f.	Vân đa thom

### III. KẾT LUẬN

Qua các đợt điều tra, chúng tôi thu được 220 loài trong đó 32 loài đặc hữu, quý, hiếm và 76 loài có giá trị kinh tế có thể đưa vào nhân giống và lai tạo phục vụ sản xuất. Những con số trên đây tuy còn chưa đầy đủ nhưng cho thấy nguồn lợi về hoa lan ở cao nguyên Langbian Lâm Đồng là rất lớn. Nếu chúng ta có kế hoạch đầu tư cho công tác bảo tồn, phát triển và khai thác các loài lan dưới tán rừng một cách hợp lý để chứng minh tiềm năng kinh tế to lớn về họ Lan (Orchidaceae Juss.) tại cao nguyên Langbian và góp phần bảo tồn nguồn gen thiên nhiên quý, hiếm của khu vực Tây Nguyên một cách chủ động và tích cực, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương trong tương lai.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Averyanov L. V., A. L. Averyanova**, 2003: Trích yếu được cập nhật hóa về các loài Lan Việt Nam, NXB. ĐHQGHN, Hà Nội.
2. **Averyanov L. V. et al.**, 2004: Lan Hải Việt Nam, NXB. Giao thông vận tải.
3. **Averyanov L. V.**, 1994: Identification guide to Vietnamese Orchids (Orchidaceae Juss.). St. Petersburg. (in Russian). 432 pp.
4. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam - Phần Thực vật, NXB. KH & KT, Hà Nội.
5. **Lecomte H.**, 1932: Flore Générale de l'Indo-chine, Paris, tom 6.
6. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập III.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, quyển III.
8. **Seidenfaden G.**, 1992: The Orchids of Indochina, Opera Botanica, 114, Copenhagen.
9. **Trần Hợp**, 1998: Phong lan Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Tp. Hồ Chí Minh.

### RARE AND ENDEMIC ORCHIDS WITH ECONOMIC VALUE IN THE LANGBIAN PLATEAU, LAM DONG PROVINCE

NONG VAN DUY, NGUYEN THI THANH HANG, NGUYEN THI LANG

### SUMMARY

There are more than 400 different orchid species in Langbian plateau, Lam Dong province. Through investigation, we collected more than 220 species including 32 rare and endemic species in Vietnam. 76 species that have potential economic value can be put into breeding and cross-breeding for production. They are valuable gene sources for orchid breeding in the near future.